

**14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

Danh sách chi tiết các công ty liên kết tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2025 và 31 tháng 12 năm 2024:

<u>Tên công ty liên kết</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ vốn chủ sở hữu</u> %	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u> %	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ phần Cơ điện - Điện lực Đồng Nai	Đồng Nai	44,88	44,88	Xây lắp, sửa chữa và thí nghiệm điện
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây lắp Điện	Đồng Nai	28,80	28,80	Xây lắp, khảo sát, thiết kế và giám sát công trình điện

Thông tin chi tiết về tình hình góp vốn và giá trị khoản đầu tư vào các Công ty liên kết của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu kỳ</u> <u>VND</u>
Công ty Cổ phần Cơ điện - Điện lực Đồng Nai	6.732.000.000	24.746.854.718
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây lắp Điện	2.160.000.000	5.466.616.560
	<b>8.892.000.000</b>	<b>30.213.471.278</b>

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 do chưa thu thập được đầy đủ thông tin thị trường. Tuy nhiên, dựa vào tình trạng hoạt động hiện tại của các công ty này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này lớn hơn giá trị còn lại trên sổ sách.

Trong kỳ, Công ty đã thay đổi phương pháp kế toán đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết, từ phương pháp vốn chủ sở hữu sang phương pháp giá gốc, nhằm phục vụ việc sáp nhập thành chi nhánh trực thuộc Tổng Công ty Điện lực miền Nam. Do thay đổi này, Công ty đã điều chỉnh giảm phần lợi nhuận sau thuế lũy kế đã ghi nhận từ các kỳ trước liên quan đến các khoản đầu tư vào công ty liên kết, đồng thời giảm tương ứng giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này.

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối kỳ</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu kỳ</u> <u>VND</u>
<b>a. Phải trả người bán là các bên liên quan</b> (Thuyết minh số 35)	<b>1.330.759.613.708</b>	<b>1.798.239.556.564</b>
<b>b. Phải trả người bán là bên thứ ba</b>	<b>151.921.771.594</b>	<b>123.878.685.886</b>
- Công ty Cổ phần Thiết bị điện VI-NA-SI-NO	42.599.727.200	-
- Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp Truyền tải MEE	12.866.080.000	-
- Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Cẩm Phả	11.973.272.727	1.079.272.727
- Các đối tượng khác	84.482.691.667	122.799.413.159
	<b>1.482.681.385.302</b>	<b>1.922.118.242.450</b>

1001  
 C  
 CỐT  
 K  
 Đ  
 V  
 2025

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM  
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

**16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
<b>a. Trả trước từ các bên liên quan</b> (Thuyết minh số 35)	<b>573.352.021</b>	<b>1.042.519.064</b>
<b>b. Trả trước từ các bên thứ ba</b>	<b>6.747.439.426</b>	<b>6.326.114.608</b>
- Công ty TNHH Đầu tư Long Đức	3.021.047.962	-
- Các đối tượng khác	3.726.391.464	6.326.114.608
	<u><b>7.320.791.447</b></u>	<u><b>7.368.633.672</b></u>

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>Số đầu kỳ</u> VND	<u>Số phải nộp trong kỳ</u> VND	<u>Số đã nộp trong kỳ</u> VND	<u>Số cuối kỳ</u> VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.806.508.044	7.349.656.526	16.806.508.044	7.349.656.526
Thuế thu nhập cá nhân	5.287.775.558	18.480.820.510	23.576.452.036	192.144.032
Tiền thuê đất	1.059.149.907	4.033.527.741	5.082.752.579	9.925.069
Thuế, phí và lệ phí khác	-	16.000.000	16.000.000	-
	<u><b>23.153.433.509</b></u>	<u><b>29.896.004.777</b></u>	<u><b>45.497.712.659</b></u>	<u><b>7.551.725.627</b></u>

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Chi phí mua điện mặt trời	139.709.979.370	122.291.562.418
Chi phí lãi vay	4.831.603.478	7.205.002.199
Chi phí khác	15.318.484.183	14.015.329.778
	<u><b>159.860.067.031</b></u>	<u><b>143.511.894.395</b></u>

**19. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược	30.485.792.139	37.426.397.825
- Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	4.186.748.311	54.603.737.868
- Kinh phí công đoàn và bảo hiểm xã hội	550.178.738	6.996.854.199
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.613.408.160	7.231.660.771
	<u><b>45.836.127.348</b></u>	<u><b>106.258.650.663</b></u>
<b>b. Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược	150.984.113.307	128.874.125.347
	<u><b>150.984.113.307</b></u>	<u><b>128.874.125.347</b></u>

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM  
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

**20. CÁC KHOẢN VAY**

	Trong kỳ				Số cuối kỳ VND
	Số đầu kỳ VND	Vay mới VND	Phân loại vay		
			dài hạn đến hạn trả VND	Thanh toán Chênh lệch tỷ giá VND	
<b>a. Vay dài hạn đến hạn trả</b>					
- Vay các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	17.233.455.536	-	8.335.387.870	(8.753.129.482)	17.064.305.533
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch II	30.106.606.336	-	15.859.345.559	(15.053.303.167)	31.718.691.118
Trong đó:					
+ Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản - JICA	10.142.187.424	-	5.071.093.712	(5.071.093.712)	10.142.187.424
+ Bộ Tài Chính (Ngân hàng Thế giới - Hiệp định - Tín dụng 3680 VN và 4444 VN)	19.964.418.912	-	10.788.251.847	(9.982.209.455)	21.576.503.694
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Đồng Nai	29.649.600.000	-	14.824.800.000	(14.824.800.000)	29.649.600.000
- Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	7.464.000.000	-	3.732.000.000	(3.732.000.000)	7.464.000.000
- Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh - Hội sở chính	569.200.000	-	284.600.000	(284.600.000)	569.200.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đồng Nai	2.175.943.397	-	-	(1.450.093.118)	725.850.279
- Quý Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai	100.358.399.908	-	55.986.698.203	(48.146.006.971)	108.199.091.140
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhhan Việt Nam	41.731.366.292	-	30.817.989.138	(18.653.989.138)	53.895.366.292
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	40.723.843.608	-	17.636.526.517	(20.579.928.765)	37.780.441.360
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	26.133.052.745	-	13.066.526.372	(13.029.009.543)	26.170.569.574
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương - Chi nhánh Đồng Nai	54.827.475.673	-	31.118.233.440	(27.676.400.000)	58.269.309.113
<b>350.972.943.495</b>	<b>-</b>	<b>191.662.107.099</b>	<b>(172.183.260.184)</b>	<b>1.054.633.999</b>	<b>371.506.424.409</b>
<b>b. Vay dài hạn</b>					
- Vay các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	145.307.609.243	-	(8.335.387.870)	-	141.231.757.177
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch II	170.476.506.951	-	(15.859.345.559)	-	162.240.578.241
Trong đó:					
+ Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản - JICA	76.066.405.665	-	(5.071.093.712)	-	70.995.311.953
+ Bộ Tài Chính (Ngân hàng Thế giới - Hiệp định - Tín dụng 3680 VN và 4444 VN)	94.410.101.286	-	(10.788.251.847)	-	91.245.266.288
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Đồng Nai	201.753.002.846	-	(14.824.800.000)	-	186.928.202.846
- Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	13.052.343.486	-	(3.732.000.000)	-	9.320.343.486
- Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh - Hội sở chính	1.849.751.371	-	(284.600.000)	-	1.565.151.371
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đồng Nai	-	-	-	-	-
- Quý Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai	398.034.545.212	42.449.081.307	(55.986.698.203)	-	384.496.928.316
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhhan Việt Nam	300.015.063.744	31.998.131.557	(30.817.989.138)	-	301.195.206.163
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	130.034.930.528	162.370.141.756	(17.636.526.517)	-	274.768.545.767
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	65.177.437.078	-	(13.066.526.372)	-	52.110.910.706
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương - Chi nhánh Đồng Nai	185.472.818.619	10.630.080.788	(31.118.233.440)	-	164.984.665.967
<b>1.611.174.009.078</b>	<b>247.447.435.408</b>	<b>(191.662.107.099)</b>	<b>-</b>	<b>11.882.952.653</b>	<b>1.678.842.290.040</b>

Các khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thế giới thông qua Bộ Tài chính và Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo các Hiệp định đã ký với các loại tiền tệ khác nhau nhằm tài trợ cho các dự án điện của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Nợ gốc của các khoản vay này được Công ty hoàn trả trong thời gian 25 năm với thời gian ân hạn 07 năm bắt đầu từ ngày giải ngân. Việc hoàn trả nợ gốc sẽ được thực hiện hai lần một năm. Công ty trả lãi tiền vay bằng Đô la Mỹ hoặc Đồng Việt Nam cho khoản tiền gốc đã giải ngân và số dư nợ gốc tùy theo từng thời điểm với lãi suất theo từng Hiệp định vay.

Các khoản vay từ các Ngân hàng trong nước và nước ngoài, các khoản vốn ODA của các Cơ quan và của các Tổ chức nước ngoài với các loại tiền tệ khác nhau nhằm thực hiện các dự án của ngành điện với thời hạn vay từ 06 năm đến 25 năm. Thời gian ân hạn tùy thuộc vào từng khoản vay, một số khoản vay có thời gian ân hạn từ 01 đến 07 năm, một số khoản vay không được ân hạn. Thời gian thanh toán các khoản vay và mức lãi suất vay căn cứ vào các hợp đồng đã ký.

Các khoản vay dài hạn được đảm bảo bằng các tài sản hình thành từ vốn vay, trừ một số khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai và khoản vay nước ngoài theo Hiệp định tính dụng 3680 - VN (Dự án SEIERP) được vay theo hình thức vay tín chấp.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Trong vòng một năm	371.506.424.409	350.972.943.495
Trong năm thứ hai	393.730.709.200	364.489.664.794
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	822.661.651.320	793.902.591.278
Sau năm năm	462.449.929.520	452.781.753.006
	<b>2.050.348.714.449</b>	<b>1.962.146.952.573</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(371.506.424.409)	(350.972.943.495)
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>1.678.842.290.040</b>	<b>1.611.174.009.078</b>

**21. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Quỹ khen thưởng	31.235.774.081	38.344.054.508
Quỹ phúc lợi	33.140.984.679	36.352.177.388
Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định	9.946.955	9.946.955
Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành	192.041.857	149.111.871
	<b>64.578.747.572</b>	<b>74.855.290.722</b>

**Thay đổi trong quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
<b>Số dư đầu kỳ/năm</b>	<b>74.855.290.722</b>	<b>91.866.205.480</b>
<b>Tăng trong kỳ/năm</b>	<b>36.534.726.953</b>	<b>61.086.750.112</b>
Trích quỹ từ lợi nhuận	29.864.799.513	46.135.686.607
Nhận từ Tổng Công ty	6.350.861.422	7.193.415.005
Điều chỉnh giữa các nguồn vốn và quỹ	-	7.537.926.749
Tăng do nguyên nhân khác	319.066.018	219.721.751
<b>Giảm trong kỳ/năm</b>	<b>(46.811.270.103)</b>	<b>(78.097.664.870)</b>
Chi tiêu tại đơn vị	(46.811.270.103)	(77.997.760.538)
Hao mòn tài sản cố định	-	(99.904.332)
<b>Số dư cuối kỳ/năm</b>	<b>64.578.747.572</b>	<b>74.855.290.722</b>

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM**  
**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

(\*) Theo Nghị định số 10/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Công ty đã tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Công ty đảm bảo số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi không vượt quá mức tối đa 3 tháng lương thực hiện trong năm 2024 theo kết quả xếp loại A của Công ty.

**22. PHẢI TRẢ NỘI BỘ NGẮN HẠN**

Phải trả nội bộ dài hạn thể hiện khoản phải trả cho Tổng Công ty, chủ yếu liên quan đến giá trị các công trình xây dựng cơ bản đã hoàn thành đưa vào sử dụng tại Công ty có nguồn gốc từ các đơn vị trong Tổng Công ty chuyển giao nhưng chưa có thông tri phê duyệt. Theo đó, khi ghi nhận tài sản cố định theo quyết định tạm tăng, Công ty ghi nhận khoản phải trả nội bộ.

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>1.509.906.703.655</b>	<b>9.264.465.443</b>	<b>20.915.170.967</b>	<b>1.540.086.340.065</b>
<b>Tăng trong năm</b>	<b>6.564.887.550</b>	<b>19.772.437.118</b>	<b>66.609.784.770</b>	<b>92.947.109.438</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	66.609.784.770	66.609.784.770
Tiếp nhận lưới điện trung áp nông thôn	6.564.887.550	-	-	6.564.887.550
Trích lập các quỹ	-	19.772.437.118	-	19.772.437.118
<b>Giảm trong năm</b>	<b>-</b>	<b>(7.537.926.749)</b>	<b>(66.203.484.459)</b>	<b>(73.741.411.208)</b>
Kết chuyển giữa các nguồn vốn và quỹ	-	(7.537.926.749)	-	(7.537.926.749)
Phân phối cho các quỹ	-	-	(65.908.123.725)	(65.908.123.725)
Điều chỉnh khoản đầu tư vào công ty liên kết	-	-	(295.360.734)	(295.360.734)
<b>Số dư đầu kỳ này</b>	<b>1.516.471.591.205</b>	<b>21.498.975.812</b>	<b>21.321.471.278</b>	<b>1.559.292.038.295</b>
<b>Tăng trong kỳ</b>	<b>71.764.791.576</b>	<b>-</b>	<b>29.864.799.513</b>	<b>101.629.591.089</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	29.864.799.513	29.864.799.513
Tiếp nhận tài sản từ bên ngoài Tập Đoàn (*)	71.764.791.576	-	-	71.764.791.576
<b>Giảm trong kỳ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>(51.186.270.791)</b>	<b>(51.186.270.791)</b>
Phân phối cho các quỹ (**)	-	-	(29.864.799.513)	(29.864.799.513)
Điều chỉnh khoản đầu tư vào công ty liên kết (***)	-	-	(21.321.471.278)	(21.321.471.278)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>1.588.236.382.781</b>	<b>21.498.975.812</b>	<b>-</b>	<b>1.609.735.358.593</b>

(\*) Theo Nghị định số 02/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ về việc chuyển giao công trình điện là tài sản công sang Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Công ty đã hạch toán tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu đối với các tài sản nhận tiếp nhận từ bên ngoài Tập đoàn.

(\*\*) Theo Nghị định số 10/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Công ty đã tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Công ty đảm bảo số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi không vượt quá mức tối đa 3 tháng lương thực hiện trong năm 2025 theo kết quả xếp loại A của Công ty.



(\*\*\*) Điều chỉnh chính giảm phần lợi nhuận thuần lũy kế đã ghi nhận từ các kỳ trước liên quan đến các khoản đầu tư vào công ty liên kết, đồng thời giảm tương ứng giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này phát sinh từ việc thay đổi phương pháp kế toán đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết, từ phương pháp vốn chủ sở hữu sang phương pháp giá gốc.

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần thứ 13 số 3600432744 do Phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 13 tháng 11 năm 2023, vốn điều lệ của Công ty là 1.461.000.000.000 đồng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300942001-067 do Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai cấp ngày 18 tháng 6 năm 2025, Công ty chuyển đổi thành Công ty Điện lực Đồng Nai – Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực miền Nam TNHH có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

**24. DOANH THU THUẦN TỪ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
	<b>VND</b>	<b>(Chưa kiểm toán)</b>
		<b>VND</b>
<b>I. Doanh thu bán điện</b>	<b>16.726.420.157.536</b>	<b>15.711.908.850.323</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Đã trừ doanh thu điện tiêu dùng nội bộ</i>	<i>1.879.951.911</i>	<i>1.979.332.844</i>
<b>II. Doanh thu tiêu thụ sản phẩm khác</b>	<b>3.805.057.202</b>	<b>4.403.877.059</b>
Xây lắp điện	1.762.560.880	701.950.937
Khảo sát, thiết kế công trình điện	-	1.762.979
Mắc dây, đặt điện	1.696.288.526	1.694.686.030
Sửa chữa thí nghiệm điện	-	21.804.794
Sản xuất sản phẩm khác	346.207.796	1.983.672.319
<b>III. Doanh thu dịch vụ</b>	<b>34.781.046.458</b>	<b>32.937.967.609</b>
Cho thuê tài sản	1.304.597.500	1.459.035.613
Thông tin, viễn thông	33.476.448.958	31.478.931.996
<b>IV. Doanh thu nhượng bán vật tư hàng hoá</b>	<b>3.165.897.170</b>	<b>14.003.824.649</b>
Doanh thu bán phế liệu	3.165.897.170	14.003.824.649
	<b><u>16.768.172.158.366</u></b>	<b><u>15.763.254.519.640</u></b>

(\*) Căn cứ theo công văn số 7068/EVN-KD+TCKT ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, công văn số 18/ĐTĐL-GP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Cục điều tiết điện lực – Bộ Công Thương, công văn số 3526/BTC-TCT ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Bộ Tài chính và các công văn hướng dẫn của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Tổng Công ty Điện lực Miền Nam về thực hiện dịch chuyển lịch ghi chỉ số điện về ngày cuối tháng bắt đầu từ năm 2022 đến hết năm 2025, Công ty đã thực hiện thay đổi lịch ghi chỉ số theo các thỏa thuận với khách hàng. Theo đó, tổng doanh thu tăng thêm trong kỳ này là 7.020.621.752 đồng (kỳ trước là 11.970.539.761 đồng).

250  
 NI  
 T  
 M  
 O  
 T  
 P.H

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Kỳ này VND	Kỳ trước (Chưa kiểm toán) VND
<b>I. Giá vốn bán điện</b>	<b>16.354.558.766.171</b>	<b>15.174.230.704.888</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Đã trừ giá vốn điện tiêu dùng nội bộ</i>	<i>1.879.951.911</i>	<i>1.979.332.844</i>
<b>II. Giá vốn tiêu thụ sản phẩm khác</b>	<b>792.843.107</b>	<b>8.588.718.984</b>
Xây lắp điện	402.867.433	867.286.310
Mắc dây, đặt điện	325.516.885	3.469.578.884
Sản xuất sản phẩm khác	64.458.789	4.251.853.790
<b>III. Giá vốn dịch vụ</b>	<b>17.891.758</b>	<b>65.139.397</b>
Cho thuê tài sản	12.891.758	42.072.059
Thông tin, viễn thông	5.000.000	23.067.338
<b>IV. Giá vốn nhượng bán vật tư hàng hoá</b>	<b>1.983.307.661</b>	<b>8.763.203.963</b>
Nhượng bán vật tư, hàng hóa	1.983.307.661	8.763.203.963
	<b><u>16.357.352.808.697</u></b>	<b><u>15.191.647.767.232</u></b>

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước (Chưa kiểm toán) VND
Lãi tiền gửi	16.224.366.582	9.579.950.914
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.067.040.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	196.100.522	115.456.109
	<b><u>17.487.507.104</u></b>	<b><u>9.695.407.023</u></b>

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước (Chưa kiểm toán) VND
Chi phí lãi vay (*)	56.042.354.992	56.528.595.566
Lỗ chênh lệch tỷ giá	13.077.528.435	7.620.148.133
Chi phí tài chính khác	-	126.360.000
	<b><u>69.119.883.427</u></b>	<b><u>64.275.103.699</u></b>

(\*) Chi phí lãi vay phát sinh trong năm là 57.753.530.603 đồng (năm 2024: 58.045.723.166 đồng) bao gồm 1.711.175.611 đồng (năm 2024: 1.517.127.600 đồng) đã được vốn hóa vào giá trị các công trình xây dựng cơ bản.



Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% (năm 2024: 20%) trên thu nhập tính thuế đối với tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

**32. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

Thực hiện theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 296/TB-VPCP ngày 03 tháng 11 năm 2021 của Văn phòng Chính phủ về việc thu tiền thuê đất của Hệ thống đường dây truyền tải điện, Cục Quản lý Công sản thuộc Bộ Tài chính đã gửi văn bản số 13687/BTC-QLCS ngày 27 tháng 12 năm 2022 hướng dẫn việc thu tiền thuê đất đối với hệ thống đường dây tải điện và đề nghị Tập đoàn Điện lực Việt Nam phối hợp với các cơ quan chức năng có thẩm quyền tại địa phương thực hiện việc xác định, thu nộp tiền thuê đất đối với hệ thống đường dây tải điện hiện có tại các địa phương theo đúng quy định của pháp luật và trách nhiệm được giao. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty chưa nhận được ý kiến của các cơ quan chức năng tại địa phương về việc xác định, thu nộp tiền thuê đất đối với hệ thống đường dây tải điện và các hồ sơ pháp lý có liên quan. Theo đó, Công ty chưa xác định được giá trị đáng tin cậy của toàn bộ chi phí thuê đất đối với hệ thống đường dây tải điện do việc ra quyết định về hồ sơ pháp lý và xác định số tiền thuê đất của các cơ quan chức năng có thẩm quyền tại địa phương sẽ dẫn tới việc thay đổi chi phí này.

**33. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	<u>Kỳ này</u> <b>VND</b>	<u>Kỳ trước</u> <b>(Chưa kiểm toán)</b> <b>VND</b>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	4.033.527.741	3.132.106.106

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u> <b>VND</b>	<u>Số đầu năm</u> <b>VND</b>
Từ 1 năm trở xuống	8.045.933.935	8.820.052.146
Trên 1 năm đến 5 năm	31.694.467.733	34.990.300.984
Trên 5 năm	189.832.916.049	241.699.232.862
	<b>229.573.317.717</b>	<b>285.509.585.992</b>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tiền thuê đất để làm văn phòng, kho bãi của các Điện lực thành viên trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

**34. CAM KẾT CHI TIÊU VỐN**

Công ty đã được phê duyệt thực hiện kế hoạch đầu tư xây dựng, lắp đặt các công trình điện, tư vấn, thiết kế và mua máy móc, thiết bị với tổng vốn đầu tư là 856.000.000.000 đồng (năm 2024: 919.982.000.000 đồng).

**35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“EVN”) - Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin - Công ty Thủy điện Trị An	Công ty mẹ của Chủ sở hữu - Đơn vị phụ thuộc của EVN - Đơn vị phụ thuộc của EVN
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam (“EVNSPC”)	Chủ sở hữu

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM  
 CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI

**Bên liên quan**

**Mối quan hệ**

- Ban Quản lý Dự án Điện lực Miền Nam	- Đơn vị phụ thuộc của EVN SPC
- Công ty Dịch vụ Điện lực Miền Nam	- Đơn vị phụ thuộc của EVN SPC
- Công ty Thí nghiệm điện Miền Nam	- Đơn vị phụ thuộc của EVN SPC
- Công ty Tư vấn điện Miền Nam	- Đơn vị phụ thuộc của EVN SPC
- Công ty Công nghệ Thông tin Điện lực Miền Nam	- Đơn vị phụ thuộc của EVN SPC
- Trung tâm Chăm sóc Khách hàng EVNSPC	- Đơn vị phụ thuộc của EVN SPC
- Trường Cao đẳng Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	- Đơn vị phụ thuộc của EVN SPC
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh – CTCP (“EEMC”)	Bên liên quan trong cùng Tập đoàn EVN
Công ty Cổ phần Cơ điện - Điện lực Đồng Nai	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây lắp Điện	Công ty liên kết

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	(Chưa kiểm toán) VND
<b>Bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	1.113.790.800	-
Công ty Thủy điện Trị An	55.145.982	58.112.015
Công ty Viễn Thông Điện Lực Và Công Nghệ Thông Tin	7.742.387	-
	<b>1.176.679.169</b>	<b>58.112.015</b>
<b>Mua hàng hoá và dịch vụ</b>		
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	15.083.554.764.404	13.953.692.592.742
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây lắp Điện	16.403.521.679	1.881.438.813
Công ty Cổ phần Cơ điện - Điện lực Đồng Nai	10.318.820.476	14.321.576.284
Trung tâm Chăm sóc Khách hàng EVNSPC	615.000.000	-
Trường Cao đẳng Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	403.078.701	4.481.482
Công ty Thí nghiệm điện Miền Nam	208.685.290	11.000.000
Công ty Dịch vụ Điện lực Miền Nam	12.709.129	-
	<b>15.111.516.579.679</b>	<b>13.969.911.089.321</b>
<b>Cổ tức trong kỳ</b>		
Công ty Cổ phần Cơ điện - Điện lực Đồng Nai	807.840.000	471.240.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây lắp Điện	259.200.000	-
	<b>1.067.040.000</b>	<b>471.240.000</b>
<b>Hoàn trả vốn vay</b>		
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	8.753.129.482	3.034.017.874
<b>Chi phí lãi vay</b>		
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	810.149.269	2.164.510.395
Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:		
	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	(Chưa kiểm toán) VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	950.400.000	775.078.500

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM**  
**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC ĐỒNG NAI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
<b>Phải thu khác</b>		
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	910.455.700	-
Công ty Cổ phần Cơ điện - Điện lực Đồng Nai	807.840.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây lắp Điện	259.200.000	259.200.000
Công ty Thuỷ điện Trị An	-	387.155.868
	<b><u>1.977.495.700</u></b>	<b><u>646.355.868</u></b>
<b>Đầu tư vào Công ty liên kết</b>		
Công ty Cổ phần Cơ điện - Điện lực Đồng Nai	6.732.000.000	6.732.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây lắp Điện	2.160.000.000	2.160.000.000
	<b><u>8.892.000.000</u></b>	<b><u>8.892.000.000</u></b>
<b>Phải trả người bán</b>		
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	1.326.504.733.195	1.779.920.111.471
Công ty Cổ phần Cơ điện - Điện lực Đồng Nai	1.865.607.784	11.500.028.265
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây lắp Điện	1.648.411.437	5.963.389.305
Công ty Tư vấn điện Miền Nam	602.391.292	612.759.588
Trung Tâm Chăm Sóc Khách Hàng	135.300.000	135.300.000
Trường Cao đẳng Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	3.170.000	-
Công ty Thí nghiệm điện Miền Nam	-	107.967.935
	<b><u>1.330.759.613.708</u></b>	<b><u>1.798.239.556.564</u></b>
<b>Người mua trả tiền trước</b>		
Ban Quản lý Dự án Điện lực Miền Nam	571.057.872	1.040.224.915
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây lắp Điện	2.294.149	2.294.149
	<b><u>573.352.021</u></b>	<b><u>1.042.519.064</u></b>
<b>Phải trả khác ngắn hạn</b>		
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	2.139.924.283	54.603.737.868
Công Ty Công Nghệ Thông Tin Điện lực Miền Nam	2.046.824.028	-
	<b><u>4.186.748.311</u></b>	<b><u>54.603.737.868</u></b>
<b>Phải trả nội bộ</b>		
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	81.187.546.864	6.660.284.411
<b>Vay</b>		
<b>a. Vay dài hạn đến hạn trả</b>		
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	17.064.305.533	17.233.455.535
	17.064.305.533	17.233.455.535
<b>b. Vay dài hạn</b>		
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	141.231.757.177	145.307.609.243
	141.231.757.177	145.307.609.243
	<b><u>158.296.062.710</u></b>	<b><u>162.541.064.778</u></b>
<b>Lãi vay</b>		
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	810.149.269	1.939.095.985

2-C  
 H  
 H  
 N  
 E  
 M  
 H  
 M

**36. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Các giao dịch chủ yếu không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> (Chưa kiểm toán) VND
Tăng vốn chủ sở hữu từ tiếp nhận tài sản cố định	71.764.791.576	6.564.887.550

Thông tin bổ sung cho các khoản không bằng tiền tại kết thúc kỳ kế toán:

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản chưa thanh toán tại thời điểm cuối kỳ	64.312.220.944	74.229.498.318
Ứng trước dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang tại thời điểm cuối kỳ	30.268.034.098	30.268.034.098
Chi phí lãi vay chưa thanh toán tại thời điểm cuối kỳ	4.831.603.478	7.205.002.199
Lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia nhưng chưa được thanh toán	8.649.231.781	15.181.188.000

**37. PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**


Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 được Ban Giám đốc phê duyệt phát hành vào ngày 16 tháng 9 năm 2025.

**38. SỰ KIẾN SAU NIÊN ĐỘ**

Ngày 18 tháng 6 năm 2025, Công ty được sát nhập thành Công ty Điện lực Đồng Nai – Chi nhánh Tổng công ty Điện lực miền Nam TNHH theo Quyết định số 124/QĐ-HĐTV, Quyết định số 127/QĐ-HĐTV ngày 16 tháng 5 năm 2025 và Quyết định số 84/QĐ-HĐTV ngày 24 tháng 5 năm 2025 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Việc chuyển đổi có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300942001-067 do Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai cấp ngày 18 tháng 6 năm 2025.

  
Nguyễn Thị Kim Anh  
Người lập biểu

  
Đặng Thị Ngọc Chiến  
Kế toán trưởng

  
Trương Đình Quốc  
Chủ tịch kiêm Giám đốc  
Ngày 16 tháng 9 năm 2025